

Bản án số: 189/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mang Cẩm T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 2, thị trấn Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mang Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trọng H **cưới nhau vào năm 2011** và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vào ngày 14/4/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông H đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: Bà và ông H có một con chung tên Nguyễn H Tiền, sinh ngày 22/8/2009, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 24/7/2020, bị đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông và bà T đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay ông vẫn còn tình cảm với bà T nên trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông và bà T có một con chung tên Nguyễn H Tiền, sinh ngày 22/8/2009, hiện cháu Tiền đang sống với bà T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, ông đồng ý giao con cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Cháu Nguyễn H Tiền có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Mang Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mang Cẩm T và bị đơn ông Nguyễn Trọng H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông H không đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh đã lâu và từ khi bà T và ông H ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, ông H không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà T và ông H thống nhất có một con chung tên Nguyễn H Tiên, sinh ngày 22/8/2009. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Tiên đang sống với bà T, cuộc sống đã ổn định, hơn nữa, nguyện vọng của cháu Tiên là muốn sống với mẹ nên căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Tiên cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phần cấp dưỡng nuôi con*: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T và ông H thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Mang Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mang Cẩm T về việc "*Ly hôn*" với ông Nguyễn Trọng H.

1. *Về hôn nhân*: Bà Mang Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Mang Cẩm T và ông Nguyễn Trọng H có một con chung tên Nguyễn H Tiên, sinh ngày 22/8/2009. Khi ly hôn, bà T được nuôi cháu Tiên, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Bà Mang Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005468 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

La Văn Việt – Trương Thị Kim Tiến

Cao Thiên Trang